TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2026

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Cường;

Bà Lương Anh Thiết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Huy, bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Huy, bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị L, sinh năm 1996. (Vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu N, đường X, TDP C Q, phường H, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T1 có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay là phường H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do anh T1 hay đi uống rượu, về đến nhà là mắng chửi và đánh vợ, ngoài ra hay vợ chồng còn phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không được hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 05/7/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với bố và ông bà nội. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao cháu T2 cho anh T1 nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chi Lan tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Toà án thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức T1 có bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 15/6/2026 với nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị L có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay là phường H, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không hiểu nhau. Nay chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 05/7/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với anh. Khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T2 và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh T1 đề nghị chị L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người tiến hành tố tụng và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 05/7/2017 cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành.

Chị Giàng Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T2 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền chị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Giàng Thị L và anh Nguyễn Đức T1 có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 cư trú tại: Khu N, đường X, TDP C Q, phường H, tỉnh Tuyên Quang, do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị L và bị đơn anh Nguyễn Đức T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt, nội dung đơn thể hiện đầy đủ quan điểm giải quyết các vấn đề có phát sinh trong vụ án. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Giàng thị L và anh Nguyễn Đức T3 có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay là phường H, tỉnh Tuyên Quang), vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mẫu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị không không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không cải thiện được. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T1 đã thực sự trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đã bỏ nhà đi làm công nhân tại công ty H, khu công nghiệp P - Bắc Ninh và không còn quan tâm đến chồng con nữa. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giàng Thị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 05/7/2017. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với bố đẻ và ông bà nội. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng giao con cho anh T1 nuôi dưỡng, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy: Cháu Nguyễn Hiếu T2 hiện đang sinh sống cùng bố đẻ và ông bà nội, được nuôi dưỡng, chăm sóc và được học tập đầy đủ, cuộc sống ổn định. Anh Nguyễn Đức T1 có công việc làm đầu bếp tại nhà hàng A thuộc khu vực trung tâm của phường H, thu nhập ổn định, bình quân một tháng khoảng 13-14 triệu đồng, ngoài ra còn có sự hỗ trợ cấp dưỡng từ mẹ đẻ là chị Giàng Thị L, nên cần thiết tiếp tục giao cháu T2

cho anh T1 nuôi dưỡng để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu, tạo điều kiện cho cháu được trông nom, chăm sóc và được phát triển toàn diện một cách bình thường, ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu cấp dưỡng với mức 2.000.000 đồng, bị đơn cũng nhất trí với mức cấp dưỡng này và không có yêu cầu gì thêm. Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp với điều kiện và thu nhập của chị L do đó được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Giàng Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thuận với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Giàng Thị L và anh Nguyễn Đức T1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 05/7/2017 cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T2 trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2026 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị L và anh T1 có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Giàng Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0000864 ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị L còn phải thi hành 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí còn thiếu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Hà Giang 2;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc